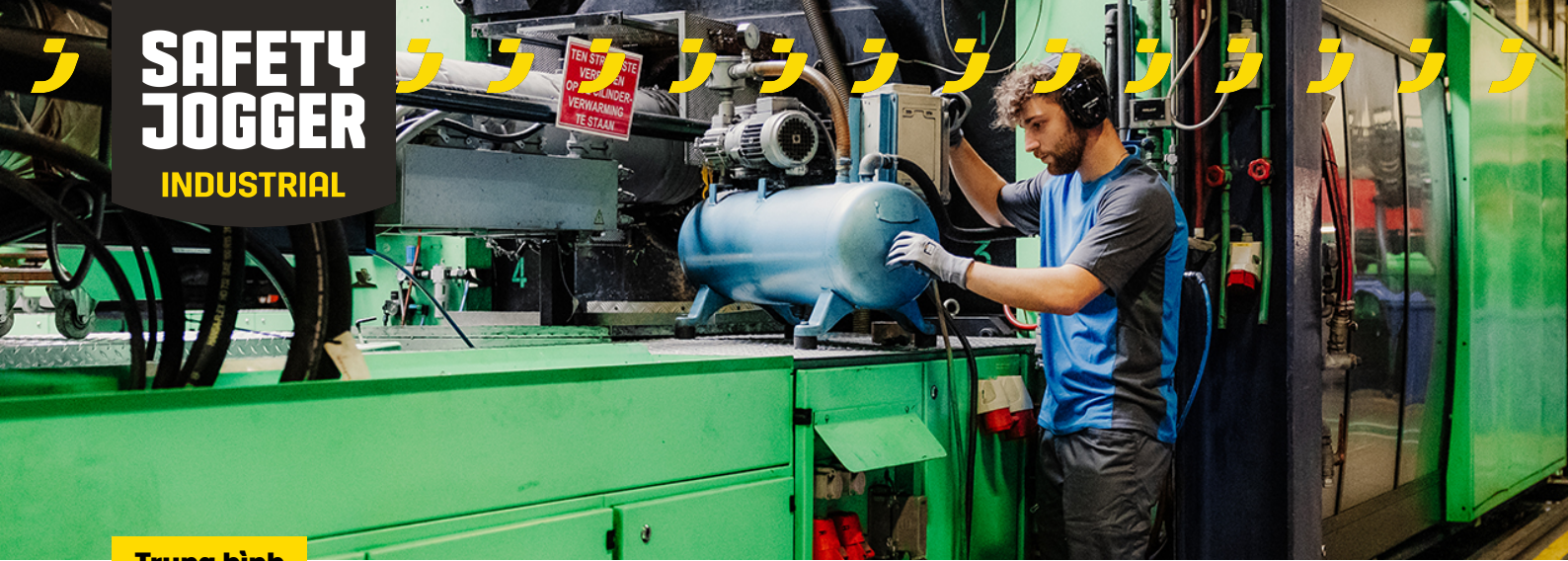




Trung bình

## FREEDOM S3S MID TLS

FYTS3SMTLS

Giày bảo hộ cao cấp công nghiệp TLS và cảm giác như đi chân trần. Mọi công việc khắc nghiệt.

FREEDOM S3S MID TLS is a high barefoot-style safety shoe with TLS closure, anatomical toe cap, Tiger Grip traction, ESD protection and rugged scuff cap.

Những vật liệu cao cấp hình hồ, TPU sỡ

| Loại bên trong     | Chất liệu                                                           |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Đế                 | Ốp SJ                                                               |
| Đế g               | Anti-Puncture Nonwoven                                              |
| Đ                  | ETPU/CAO SU                                                         |
| Đứng đỡ            | Nanocarbon                                                          |
| Loại               | S3S / SR, SC, FO, HI, HRO, CI, ESD                                  |
| Phạm vi kích thước | EU 35-50 / UK 3.0-14.0 / US 3.0-15.0<br>JPN 21.5-33.0 / KOR 230-330 |
| Trọng lượng        | 0.608 kg                                                            |
| Chuẩn              | EN ISO 20345:2022+A1:2024<br>ASTM F2413:2024                        |



### Barefoot-like walking

Anatomical toe cap: barefoot-like walking for natural movement and reduced fatigue.



### Tiger Grip công nghệ

Tiger Grip công nghệ là một loại đế giày được làm từ hợp chất cao su có các hoa văn cũng như đường rãnh cụ thể để tăng độ bám và độ ổn định.



### Hấp thụ gót chân

Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân giảm thiểu hoặc loại bỏ các chấn thương thể ng



ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và gây ra bắt lửa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



### Nắp Scuff (SC)

Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng rẽ cho mòn vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở rộng tuổi thọ của giày an toàn.



### Kim

Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyển động linh hoạt.



BLK

**Công nghiệp n:**

**Ngành công nghiệp, Biên tập, lĩnh vực công nghệ, phục vụ ăn uống và chăm sóc sức khỏe**

ường: **Môi t**

ru' ờn **môikhô**, Bề mặt cư c min , b ề mặt **không** bắ g phắ g, b ề mặt **trắ ắp**, **môikhô** gắ m ư ớ t

### Các hướng dân ba#o tri:

**giấy, chúng tôi khuyên bạn nên vệ sinh giày thường xuyên và bảo vệ chúng bằng phẩm xử lý nước hàng đầu.**

| Sự miêu tả           |                      | đơn vị đo lường                             | đầu tiên                      | K                           | EN ISO 20345 |            |        |
|----------------------|----------------------|---------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|--------------|------------|--------|
| Nhũn g vậ h iệu , sự |                      |                                             |                               |                             |              |            |        |
| cao cấp hơn          | Top: khả năng        | tuấn đ ớ                                    | ờ                             | mg/cm/g                     | ? 0.8        |            |        |
|                      | Top: li nệ           | số đ ớ                                      |                               | mg/cm2                      | ? 15         |            |        |
|                      | ót bên trong         | i tái đ h uế ở                              |                               |                             |              |            |        |
|                      |                      | L óp lót:                                   | tuấn đ ớ                      | ờ                           | mg/cm/g      | ? 2        |        |
|                      | lót: li nệ           | số đ ớ                                      |                               | mg/cm2                      | ? 20         |            |        |
| rong                 | Đ ố p                | SJ đ ể x                                    |                               |                             |              |            |        |
|                      | ệ m ch ấ n           | Đ h ố n g m ả i m ỏ n (khô/ư ớ t ) (chu kỳ) |                               | chu kỳ                      | 25600/12800  |            |        |
| goài                 | Đ                    | ETPU/CAO SU                                 |                               |                             |              |            |        |
|                      | Ch ố m ả n g         | m ả i m ỏ n đ ể ngo ả i (                   |                               | mm                          | ? 150        |            |        |
|                      | Ch ư ớ t r ể g ử ả n | - Ceramic + NaLS - Tr ư ớ t                 | g ớ t đ ể                     | ph ả i t                    | ma sát       | ? 0.31     |        |
|                      | r ư ớ t c ố n g      | h ả n g                                     | G ố m + NaLS - Tr ư ớ t       | l ử i đ ể                   | ph ả i t     | ma sát     | ? 0.36 |
|                      | r ư ớ t              | S R                                         | G ố t m + Glycerin - Tr ư ớ t | g ớ t                       | ph ả i t     | ma sát     | ? 0.19 |
|                      | Ch ư ớ t             | SR                                          | G ố m + Glycerin - Tr ư ớ t   | g ớ t                       | ph ả i t     | ma sát     | ? 0.22 |
|                      | ri ệ c               | ố                                           | Giá t                         | t ỉ n h đ iệ n              | megaohm      | 0.1 - 1000 |        |
|                      | ri                   | ESD                                         | Giá t                         |                             | megaohm      | 0.1 - 100  |        |
|                      |                      | H ấ p th ụ                                  | n ả n g l ử                   | g ớ t                       | ch ấ n       | J          | ? 20   |
|                      | Đ ứ n g đ ầ          | Nanocarbon                                  |                               |                             |              |            |        |
|                      | Mũi giày an toàn     | ch ố n g                                    | v ả đ ậ p (kh ỏ ả n g         | c ả c h ả u v ả đ ậ p 100J) | mm           | N/A        |        |
|                      | Nắp mũi              | ch ố n g                                    | n ể n (k h ể h ỏ              | s ả u k h i n ể n 10kN)     | mm           | N/A        |        |
|                      | Mũi giày an toàn     | ch ố n g                                    | v ả đ ậ p (kh ỏ ả n g         | c ả c h ả u v ả đ ậ p 200J) | mm           | ? 14       |        |
|                      | Mũi giày an toàn     | ch ố n g                                    | n ể n (kh ỏ ả n g h ỏ         | s ả u k h i n ể n 15kN)     | mm           | ? 14       |        |

kích thước thép: 42

a chúng tôi không có thể về nhân hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không sao chép được nào mà không bị phạt vạ.